**KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG CUỐI HỌC KÌ II**

**Khung ma trận**

- Thời điểm kiểm tra: *Kiểm tra học kì 2 khi kết thúc nội dung: Chương 8. Sinh vật và môi trường*

- Thời gian làm bài: *60 phút.*

- Hình thức kiểm tra: *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).*

- Cấu trúc:

- Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*

- Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm, *(gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 8 câu, thông hiểu: 8 câu), mỗi câu 0,25 điểm;*

- Phần tự luận: 6,0 điểm *(Nhận biết: 2,0;Thông hiểu: 1,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).*

- Nội dung nửa đầu học kì 2: *15% (1,5 điểm): Chương VI Nhiệt 09 tiết, Chương VII Sinh học cơ thể người 11 tiết( Hết bài 33 Máu và hệ tuần hoàn của cơ thể người)*

- Nội dung nửa học kì 2 sau: *85% (8,5 điểm) Chương VII Sinh học cơ thể người 17 tiết( Hết bài 40 sinh sản ở người); Chương VIII Sinh vật và môi trường (15 tiết).*

| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số ý/câu** | | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| *1. Nhiệt (9 tiết)* |  |  |  | **2** |  |  |  |  |  | 2 | **0,5** |
| *2. Sinh học cơ thể người (30 tiết)* | 2 | **4** | 1  (1,0) | **2** | 1  (1,5) |  |  |  | 4 | 6 | **6,0** |
| *3. Sinh vật và môi trường (15 tiết)* |  | **4** |  | **4** | 1  (0,5) |  | 1 |  | 2 | 8 | **3,5** |
| *Số câu/ số ý* | 2 | **8** | 1 | **8** | 2 | **0** | 1 | **0** | 6 | 16 | **10** |
| **Điểm số** | **2,0** | **2,0** | **1,0** | **2,0** | **2,0** | **0** | **1,0** | **0** | **6,0** | **4,0** | **10** |
| **Tổng số điểm** | **4,0 điểm** | | **3,0 điểm** | | **2,0 điểm** | | **1,0 điểm** | | **10 điểm** | | **10 điểm** |